

DANH SÁCH ỨNG VIÊN TRUNG TUYỂN
KỶ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC CỦA BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ NĂM 2019

(Kèm theo Thông báo số: 1249 /ĐHYDCT ngày 06 tháng 9 năm 2019)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	CDNN dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm TB	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
1	1	Võ Tấn Cường	12/11/1990	Tiền Giang	Bác sĩ hạng III Khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực	86.75			86.75
2	2	Thạch Trần Hiếu	03/6/1991	Sóc Trăng		77.75	Dân tộc Khmer	5.0	82.75
3	3	Nguyễn Bình Đăng	18/11/1994	Hậu Giang		80.00			80.00
4	1	Trần Trọng Anh Tuấn	14/3/1991	Vĩnh Long	Bác sĩ hạng III Khoa Nội	85.75			85.75
5	2	Nguyễn Cao Nhật Linh	15/8/1993	Vĩnh Long		84.00			84.00
6	1	Nguyễn Duy Khuê	16/8/1992	Trà Vinh	Bác sĩ hạng III Khoa TMCT-Thần kinh	85.75			85.75
7	1	Lâm Hoàng Huấn	20/7 1986	Trà Vinh	Bác sĩ hạng III Khoa Ngoại	76.50			76.50
8	1	Nguyễn Chí Nguyên	24/5/1986	Cà Mau	Bác sĩ hạng III Khoa Ngoại - CTCH -TK	81.50			81.50
9	2	Phạm Việt Tân	01/6/1992	Hậu Giang		69.50			69.50
10	1	Trần Nhựt Quang	12/12/1993	An Giang	Bác sĩ hạng III Khoa Mắt - Tai Mũi Họng	79.50			79.50
11	1	Lâm Điền	12/5/1990	Kiên Giang	Bác sĩ hạng III Khoa Chẩn đoán hình ảnh	80.00	Dân tộc Khmer	5.0	85.00
12	2	Lâm Bảo Ngọc	16/7/1995	Đồng Tháp		75.00			75.00
13	1	Đặng Hoàng Minh	22/2/1989	Vĩnh Long	Bác sĩ hạng III TT Tiết niệu - HIFU	86.50			86.50

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	CDNN dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm TB	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
14	1	Lê Diệu Ngân	14/5/1997	Cần Thơ	Điều dưỡng hạng III	Khoa Khám bệnh	70.50			70.50
15	1	Bùi Thị Hồng Sương	03/10/1990	Cần Thơ	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Khám bệnh	89.25			89.25
16	2	Đỗ Thị Ngọc Diệp	01/02 /1995	Cần Thơ			87.50			87.50
17	3	Phan Hồng Huệ	18/7/1996	Cần Thơ			83.50			83.50
18	4	Nguyễn Thị Trúc Phương	27/10/1988	An Giang			82.50			82.50
19	5	Nguyễn Thị Thu Hiền	06/01 /1992	Cần Thơ			82.00			82.00
20	6	Cao Thị Ngọc Quý	16/3/1992	Cần Thơ			82.00			82.00
21	7	Nguyễn Nữ Thu Phúc	25/11/1996	Bắc Ninh			80.25			80.25
22	8	Trần Thị Cẩm Nguyên	01/01/1994	Hậu Giang			78.75			78.75
23	9	Nguyễn Thúy An	10/10/ 1989	Cần Thơ			74.25			74.25
24	1	Nguyễn Thị Hồng Loan	23/6/1995	Vĩnh Long	Điều dưỡng hạng III	Khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực	85.50			85.50
25	2	Trương Thị Ngọc Mai	16/12/1996	Kiên Giang			85.50			85.50
26	1	Trần Việt Đức	14/12/1993	Đồng Tháp	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực	81.75			81.75
27	2	Nguyễn Phú Cường	01/6/1994	An Giang			80.00			80.00
28	3	Hồ Thuỷ Minh Phương	15/7/1995	Bến Tre			78.75			78.75
29	4	Lê Út Mừng	25/11/1992	Kiên Giang			78.00			78.00
30	5	Nguyễn Thị Anh Thư	13/12/1995	Trà Vinh			78.00			78.00
31	6	Võ Văn Nhấn	1995	Bạc Liêu			75.00			75.00
32	7	Hồ Thị Phương	23/9/1991	Nghệ An			70.00			70.00

nghe

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	CDNN dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm TB	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
33	1	Hồ Minh Thái	14/7/1985	Bến Tre	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức	89.00			89.00
34	2	Huỳnh Như	05/8/1994	Cần Thơ			84.50			84.50
35	3	Huỳnh Thị Mỹ Hà	01/9/1989	Cần Thơ			83.50			83.50
36	4	Châu Mỹ Duyên	01/01/1986	Bạc Liêu			83.00			83.00
37	5	Đặng Thuỷ Tiên	04/11/1994	Cần Thơ			81.75			81.75
38	6	Đặng Hoàng Uyên Thi	30/3/1989	Thừa Thiên Huế			80.50			80.50
39	7	Huỳnh Ni	16/10/1994	Hậu Giang			78.50			78.50
40	8	Trần Ngọc Tuấn	26/11/1981	Hậu Giang			78.50			78.50
41	9	Nguyễn Ngọc Hạnh	20/3/1982	Ninh Bình			75.75			75.75
42	10	Nguyễn Thị Mỹ Hường	03/06 1997	Đồng Tháp			71.75			71.75
43	11	Trần Anh Thy	24/3/1991	Trà Vinh			70.00			70.00
44	12	Dương Thanh Tú	24/4/1991	Hậu Giang			62.50			62.50
45	1	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	08/9/1996	Đồng Tháp	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội	86.00			86.00
46	1	Nguyễn Ngọc Thơ	24/08/1995	Đồng Tháp	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Nội	86.00			86.00
47	2	Bùi Văn Nhiều	28/02/1991	Cần Thơ			85.75			85.75
48	3	Phạm Văn Do	01/5/1994	Hậu Giang			85.00			85.00
49	4	Dương Thị Mỹ Linh	01/01/1989	Sóc Trăng			85.00			85.00
50	5	Trần Thị Bảo Yến	15/02/1991	Vĩnh Long			84.00			84.00
51	6	Huỳnh Kim Tiền	14/4/1986	Hậu Giang			83.75			83.75
52	7	Đặng Minh Tiến	09/6/1993	Bến Tre			82.00			82.00
53	8	Nguyễn Thành Nhớ	11/02/1997	Cần Thơ			80.00			80.00
54	9	Đỗ Thị Thanh Trà	10/10/1992	Đồng Tháp			80.00			80.00
55	10	Phan Ngô Cẩm Tú	25/8/1995	Trà Vinh			80.00			80.00
56	1	Võ Thị Tường Vi	28/5/1996	Đồng Tháp	Điều dưỡng hạng III	Khoa TMCT-Thần kinh	86.00			86.00

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	CDNN dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm TB	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
57	1	Ngô Quý Linh	1991	Bạc Liêu	Điều dưỡng hạng IV	Khoa TMCT- Thần kinh	81.75	Dân tộc Hoa	5.0	86.75
58	2	Hồ Văn Đức	01/01/1991	Hậu Giang			86.00			86.00
59	3	Trần Văn Ngây	25/3/1993	Cần Thơ			85.25			85.25
60	4	Lê Bùi Minh Trúc	15/10/1994	Trà Vinh			84.00			84.00
61	5	Quách Cao Tâm	17/01/1993	Sóc Trăng			83.75			83.75
62	6	Nguyễn Công Hậu	28/02/1997	Cần Thơ			75.00			75.00
63	1	Trần Quốc Thái	16/02/1995	Cần Thơ	Điều dưỡng hạng III	Khoa Ngoại	90.00			90.00
64	2	Nguyễn Thị Sinh	19/10/1988	Cà Mau			85.00	Con thương binh	5.0	90.00
65	1	Nguyễn Thị Xuân Khánh	20/4/1985	Tiền Giang	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Ngoại	80.50			80.50
66	2	Đỗ Ngọc Đẹp	25/8/1973	Cần Thơ			80.25			80.25
67	3	Đỗ Thị Kim Loan	13/10/1988	Cà Mau			75.50			75.50
68	1	Thạch Thị Thúy Đa	1992	Trà Vinh	Điều dưỡng hạng III	Khoa Ngoại - CTCH - TK	75.00	Dân tộc Khmer	5.0	80.00
69	2	Nguyễn Xuân Thường	10/4/1991	Sóc Trăng			79.50			79.50
70	1	Lê Ngọc Diệu	13/8/1988	Vĩnh Long	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Ngoại - CTCH - TK	80.50			80.50
71	2	Nguyễn Kim Ngân	29/5/1995	Cần Thơ			79.75			79.75
72	3	Phan Văn Hiếu	24/02/1992	An Giang			79.25			79.25
73	4	Võ Phương Duy	17/3/1994	Cà Mau			71.00			71.00
74	5	Võ Thị Yến Nhi	28/11/1995	Trà Vinh			69.75			69.75

12/12

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	CDNN dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm TB	Đổi tượng ưu tiên (nếu có)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
75	1	Lâm Diễm Thúy	20/10 /1986	Cần Thơ	Hộ sinh hạng IV	Khoa Phụ sản	80.00		5.0	85.00
76	2	Mai Thị Kim Quyên	01/12/1984	Cần Thơ			82.75			82.75
77	3	Huỳnh Thị Hồng Thắm	11/9 /1990	Tiền Giang			80.50	Dân tộc Hoa		80.50
78	4	Trần Thị Kim Nhiên	17/02/1984	Cần Thơ			79.00			79.00
79	5	Nguyễn Thị Kim Oanh	1982	Hậu Giang			78.50			78.50
80	6	Nguyễn Thị Bích Vân	30/12/ /1977	Vĩnh Long			76.25			76.25
81	7	Nguyễn Thị Bích	13/09 /1989	Đồng Tháp			75.00			75.00
82	8	Nguyễn Thị Mỹ Chi	1985	Đồng Tháp			73.00			73.00
83	1	Phạm Thị Ngọc	24/11/1991	Đồng Tháp	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Ung Bướu	84.50			84.50
84	2	Thị Diễm Mi	04/02/1992	Kiên Giang			74.75	Dân tộc Khmer	5.0	79.75
85	3	Huỳnh Bình Thi	02/02/1981	Cần Thơ			75.00			75.00
86	4	Phan Thị Hoàng Anh	20/3/1983	Cần Thơ			70.00			70.00
87	1	Phạm Thị Lý	10/9/1989	Nam Định	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Mắt - Tai Mũi Họng	73.00			73.00
88	2	Thái Ngọc Khiêm	10/11/ 1994	Hậu Giang			69.25			69.25
89	1	Nguyễn Trọng Nghĩa	16/01/1990	Hậu Giang	Kỹ thuật y hạng IV	Khoa Xét nghiệm	85.00			85.00
90	2	Nguyễn Thị Ngọc Yến	07/12/1992	Bến Tre			75.25			75.25
91	3	Lâm Thị Kim Hai	15/7/1988	Cần Thơ			70.50			70.50

Y
HỌC
SỞ
CẦN THƠ

Thy

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	CDNN dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm TB	Đổi tượng ưu tiên (nếu có)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
92	1	Nguyễn Thị Thảo Trang	22/4/1985	Vĩnh Long	Kỹ thuật y hạng IV	Khoa Chẩn đoán hình ảnh			85.50
93	2	Phạm Minh Hưng	1986	Đồng Tháp					85.00
94	3	Võ Trọng Nguyên	20/11/1990	Bến Tre					80.50
95	4	Nguyễn Vương	02/8/1991	Cần Thơ					80.25
96	5	Trần Hùng Quốc	27/8/1993	Cần Thơ					80.00
97	6	Nguyễn Hoàng Quốc Duy	13/4/1994	Hậu Giang					75.25
98	7	Huỳnh Bửu Khoa	1987	Sóc Trăng					75.00
99	1	Võ Thị Trang	12/10 1992	Cần Thơ	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Thăm dò chức năng	80.50		80.50
100	1	Nguyễn Hoàng Thùy Dung	07/5 /1985	Cần Thơ	Điều dưỡng hạng IV	Khoa KSNK	85.50		85.50
101	2	Đặng Thị Ngọc Thiện	26/10/1982	Vĩnh Long			78.25		78.25
102	3	Trần Thị Hồng Hạnh	16/3/ 1978	Hồ Chí Minh			76.25		76.25
103	1	Võ Hồng Sarin	16/10/1987	Bến Tre	Điều dưỡng hạng III	TT Tiết niệu - HIFU	90.00		90.00
104	2	Ngô Thị Thuỷ	10/11/1995	Bến Tre			84.50		84.50
105	1	Nguyễn Thị Hằng	27/3/1993	Trà Vinh	ĐD hạng IV	TT Tiết niệu - HIFU	79.50		79.50
106	1	Lương Thị Thúy Loan	07/8/ 1994	Đà Nẵng	ĐD hạng III	TT Nội soi- Nội soi CT	85.00		85.00
107	1	Trần Y Đức	26/3 /1984	Hà Tĩnh	ĐD hạng IV		82.00		82.00
108	1	Nguyễn Thị Cẩm Tú	01/01/1995	Cần Thơ	ĐD hạng IV	TT Gamma	80.00		80.00

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	CDNN dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm TB	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
109	1	Đặng Lưu Khánh Ngọc	14/12/1991	Kiên Giang	Được hạng IV Khoa Dược	86.25			86.25
110	2	Đoàn Thị Hải Bình	08/4/1985	Quảng Bình		85.75			85.75
111	3	Lại Tài My	25/9/1994	Đồng Tháp		85.75			85.75
112	4	Trần Phương Thảo	25/02/1993	Bạc Liêu		81.75			81.75
113	5	Nguyễn Thị Hằng	04/10/1982	Bạc Liêu		81.25			81.25
114	6	Nguyễn Hải Nguyên	04/01/1991	Cần Thơ		81.25			81.25
115	7	Nguyễn Thị Mộng Trinh	01/01/1993	Hậu Giang		81.00			81.00
116	8	Nguyễn Kim Hương	22/3/1966	TPHCM		80.75			80.75
117	9	Vũ Thị Ngọc Lan	09/01/1985	Thái Bình		80.25			80.25
118	10	Phạm Thị Mộng Tuyền	24/8/1995	Cần Thơ		80.25			80.25
119	1	Nguyễn Thị Ngọc Bảo	08/11/1985	Bến Tre	ĐD hạng III	P.KHTH	80.25		80.25
120	1	Trần Thị Huệ	03/02/1987	Nghệ An	ĐD hạng IV		81.00		81.00
121	1	Nguyễn Thị Lam Ngọc	03/5/1996	Đồng Tháp	Chuyên viên	P.KHTH	90.25		90.25
122	2	Lê Thanh Tâm	23/5/1991	Hậu Giang			85.50		85.50
123	3	Nguyễn Thị Thu Hồng	10/7/1983	Thái Bình			82.50		82.50
124	1	Bùi Thị Ngọc Tú	25/4/1988	An Giang	Chuyên viên	P.TC-HC-QT	90.75		90.75
125	2	Đặng Hải Ninh	20/01/ 1989	Ninh Bình			76.75		76.75
126	3	Võ Thị Tuyết Duy	15/6/1990	Cà Mau			75.75		75.75

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	CDNN dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm TB	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
127	1	Nguyễn Văn Hào	15/12/1976	Cà Mau	Kế toán viên	P.TCKT	87.75	Con thương binh	5.0	92.75
128	2	Cao Kim Linh	22/8/1980	Sóc Trăng			77.50			77.50
129	3	Võ Chí Cường	23/02/1979	Cần Thơ			77.25			77.25
130	4	Phùng Thanh Vy	09/5/1995	Hậu Giang			71.25			71.25
131	5	Nguyễn Anh Phong	04/10 /1987	Nghệ An			67.25			67.25
132	1	Nguyễn Thị Huyền Trang	28/9/1984	Bến Tre	Kế toán viên TC	P.TCKT	87.00			87.00
133	2	Đặng Anh Nhật	18/3/1993	Cần Thơ			77.00	Bộ đội xuất ngũ	2.5	79.50
134	3	Nguyễn Thị Bích Giang	26/3 /1990	Hậu Giang			72.00			72.00
135	4	Lương Hoàng Vĩnh	29/02/1976	Hải Phòng			64.25	Con thương binh	5.0	69.25
136	5	Nguyễn Thị Kim Diệu	25/01/1987	Hậu Giang			67.00			67.00
137	6	Vũ Thị Ngọc Phụng	28/4/1985	Cần Thơ			65.00			65.00
138	1	Mai Quốc Trường	22/6/1992	Sóc Trăng	Chuyên viên	P.CNTT	86.25			86.25
139	2	Trần Gia Linh	02/9/1996	Cần Thơ			84.25			84.25
140	3	Nguyễn Viết Thông	04/10/1992	Cần Thơ			79.00			79.00
141	1	Nguyễn Phương Thảo	07/9/1992	Thanh Hoá	Chuyên viên	P.QLCL-CTXH	88.75	Con thương binh	5.0	93.75
142	2	Phan Bảo Ngọc Trinh	07/02/1996	Cần Thơ			85.25			85.25
143	3	Bùi Văn Vĩnh	18/9/1992	Tiền Giang			85.25			85.25
144	1	Tạ Thuỳ Linh	01/01/1996	Cà Mau	Điều dưỡng hạng III	P.Điều dưỡng	79.25			79.25